

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HSST

Ngày: 25/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khoe

Ông Hà Văn Trường

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà:** Ông Trần Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D, tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: thôn Lương H, thị trấn Lương B, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết); con bà Nguyễn Thị Minh H; có chồng là Đỗ Văn N; có 03 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/11/2024, hiện cư trú: tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Các bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Bàu L, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Kim T, nơi cư trú: Kha Vạn C, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt);

3. Bà Phan Thị Bích L, nơi cư trú: Ngô Đức K, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị Hồng N, nơi cư trú: Phạm Hồng T, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt);

5. Ông Võ Hoài V, nơi cư trú: Trương Công Đ, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài cá nhân Nguyễn Thị D đã nảy sinh ý định đặt mua áo, làm giả biển tên “Nguyễn Thị D” in logo Ngân hàng VP Bank, giả mạo là nhân viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu, địa chỉ trụ sở: 13 Nguyễn Thái Học, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tìm kiếm những người có nhu cầu vay tiền trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng không có tài sản thế chấp làm thủ tục mở thẻ tín dụng và cấp khoản vay tín chấp. Sau khi tìm kiếm được người có nhu cầu vay, D hẹn gặp tại quán cà phê để tư vấn về quy trình mở thẻ. Quá trình tư vấn cho người vay, D tự xưng mình là nhân viên ngân hàng VP Bank, Chi nhánh Vũng Tàu có thể mở thẻ hạn mức tín dụng cấp khoản vay không cần tài sản thế chấp. Sau khi được D tư vấn, người vay đã tin tưởng và đồng ý làm, D yêu cầu phải đặt cọc số tiền tương đương với 5%/tổng số tiền vay. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền cọc từ khách hàng, D không thực hiện bất cứ thủ tục nào để mở thẻ tín dụng và cấp khoản vay như thỏa thuận mà chiếm đoạt sử dụng để tiêu sài cá nhân. Với phương thức và thủ đoạn trên, từ khoảng tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, D đã chiếm đoạt của 05 người vay với tổng số tiền là 180.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn T: Khoảng tháng 7/2023, thông qua Hoàng Thị Hồng N, ông Thăng biết Nguyễn Thị D. Sau đó, D giới thiệu là nhân viên Ngân hàng có thể mở thẻ tín dụng, tạo khoản vay tại tất cả các ngân hàng cho khách hàng mà không cần phải có tài sản thế chấp. Do cần tiền lo công việc nên ông T đã tin tưởng nhờ D mở thẻ tín dụng tạo khoản vay. Sau khi được D tư vấn, ông T đã chọn làm gói thẻ tín dụng hạn mức 700.000.000 đồng, D yêu cầu ông T phải thanh toán trước số tiền phí dịch vụ 25%/tổng số tiền vay, tương đương với số tiền 175.000.000 đồng và cam kết trong vòng 07 đến 10 ngày sẽ hoàn thành việc mở thẻ cấp khoản vay cho ông T. Tuy nhiên, do không đủ tiền nên ông T xin đưa trước số tiền 35.000.000 đồng, sau khi được giải ngân sẽ thanh toán số tiền 140.000.000 đồng còn lại và được D đồng ý. Đến ngày 01/8/2023, ông T chuyển khoản cho D số tiền 35.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 106868983357 đến tài khoản Ngân hàng Oceanbank số 0156100600001234 do D làm chủ tài khoản. Sau khi nhận được tiền Dung không thực hiện mở thẻ cấp khoản vay cho ông T như cam kết mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân.

- Bà Nguyễn Thị Kim T: Khoảng tháng 9/2023, cũng thông qua N, bà T biết Nguyễn Thị D và được D giới thiệu có thể mở thẻ hạn mức tín dụng Ngân hàng cấp khoản vay mà không cần tài sản thế chấp. Sau đó, Dung thỏa thuận mở thẻ hạn mức tín dụng cho bà T với số tiền là 2.000.000.000 đồng, phí dịch vụ là 20%/Tổng số tiền vay, bà T phải đặt cọc trước cho D số tiền 80.000.000 đồng và trong vòng 02 tháng D sẽ hoàn thành mở thẻ tín dụng cấp khoản vay cho bà T.

Do tin tưởng D, bà T đã chuyển khoản 03 lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân vào tài khoản Ngân hàng VP bank số 0933468311 do D làm chủ. Sau khi nhận được tiền đặt cọc của bà T, D sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân và trả nợ.

- *Bà Phan Thị Bích L:* Khoảng tháng 9/2023, bà L được N và bà Tuyến giới thiệu Nguyễn Thị D làm ở Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh Vũng Tàu làm dịch vụ cấp thẻ tín dụng mở khoản vay. Sau đó, bà L liên hệ với D và được D tư vấn chọn gói cấp thẻ tín dụng với khoản vay là 300.000.000 đồng, phí dịch vụ là 20%/Tổng số tiền vay, bà L đặt cọc cho D trước 5%, tương đương với số tiền 15.000.000 đồng, D cam kết trong vòng 01 tuần sẽ làm xong thủ tục và giải ngân cho bà D. Đến ngày 08/9/2023, bà L chuyển khoản từ tài khoản cá nhân đến tài khoản Ngân hàng VP Bank số 0933468311 của Dung số tiền 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền của bà L, D chiếm đoạt sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

- *Bà Nguyễn Thị Hồng N:* Khoảng tháng 9/202, bà N được D giới thiệu là nhân viên Ngân hàng VP Bank Chi nhánh Vũng Tàu làm dịch vụ mở thẻ tín dụng cấp khoản vay tín chấp. Sau khi được D tư vấn, bà N tin tưởng đã đồng ý nhờ D làm thủ tục cấp khoản vay cho chồng là ông Dương Hoài T với số tiền là 500.000.000 đồng. D yêu cầu phí dịch vụ là 20%/tổng số tiền vay, tương đương với số tiền 100.000.000 đồng và phải đặt cọc trước 5% tương đương với số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, bà N đã 03 lần đưa tiền cho D với tổng số tiền là 25.000.000 đồng (cụ thể: Lần thứ nhất: Vào ngày 08/9/2023, bà N đưa tiền mặt cho D số tiền 7.500.000 đồng và chuyển vào tài khoản ngân hàng VP Bank của D số tiền 2.500.000 đồng; Lần thứ 2: Vào ngày 11/9/2023, bà N chuyển vào tài khoản VP Bank của Dung số tiền 8.000.000 đồng; Lần thứ 3: Vào ngày 18/9/2023, bà Nhung chuyển vào tài khoản ngân hàng VP Bank của D số tiền 7.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền của bà N, D không thực hiện bất cứ thủ tục nào để cấp khoản vay cho ông T mà sử dụng số tiền 25.000.000 đồng do bà N đặt cọc để chi tiêu cá nhân.

- *Ông Võ Hoài V:* Khoảng cuối tháng 9/2023, thông qua bà T ông V biết được thông tin Nguyễn Thị D làm dịch vụ mở thẻ tín dụng ngân hàng cấp khoản vay tín chấp nên đã liên hệ với D. Sau đó, ông V được D tư vấn về các thủ tục có liên quan và lựa chọn gói mở thẻ tín dụng với hạn mức cho vay là 700.000.000 đồng. D yêu cầu phí dịch vụ là 20%/tổng số tiền vay và phải đặt cọc trước số tiền 5% tương đương với 35.000.000 đồng. Do không đủ tiền nên ông V đã xin D giảm số tiền đặt cọc xuống còn 10.000.000 đồng, sau khi được giải ngân tiền vay sẽ trả lại D và được Dung đồng ý. Đến ngày 20/9/2023, ông V chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng VP Bank số 0933468311 do D làm chủ. Tiếp đó, do có nhu cầu vay thêm nên ông V liên hệ với D mở thêm 01 thẻ tín dụng cấp khoản vay là 300.000.000 đồng, D đồng ý và yêu cầu phải đặt cọc trước số tiền 15.000.000 đồng. Đến ngày 08/10/2023, ông V chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng VP Bank của D. Sau khi nhận số tiền 25.000.000 đồng của ông V, D sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Tại Cơ quan CSĐT, Nguyễn Thị D đã khai nhận hành vi mạo danh nhân viên Ngân hàng VP Bank Chi nhánh Vũng Tàu đưa ra các thông tin gian dối không đúng sự thật về việc mình có khả năng làm hồ sơ mở thẻ tín dụng ngân hàng cấp khoản vay tín chấp để ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Phan Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Võ Hoài V tin là thật, từ đó chuyển cho D số tiền là 180.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, D sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân và trả nợ. Ngoài ra, quá trình điều tra, truy tố, D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; D đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bà Phan Thị Bích L số tiền 15.000.000 đồng và giao nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho 04 người bị hại còn lại. Tuy nhiên, trong 05 lần nhận tiền đặt cọc của bị hại để mở thẻ tín dụng cấp hạn mức khoản vay, hành vi của D đủ cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Dung phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng: Số tiền 30.000.000 đồng Nguyễn Thị D giao nộp để khắc phục hậu quả chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu tiếp tục bảo quản chờ xử lý.

Trách nhiệm dân sự trong vụ án: 04 bị hại yêu cầu Nguyễn Thị D trả lại số tiền đã chiếm đoạt như sau: ông Nguyễn Văn T số tiền 35.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 80.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng; ông Võ Hoài V số tiền 25.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 391/CT-VKSVT ngày 16/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Thị Dung về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo D mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của các bị hại.

Các bị hại Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Thị Hồng N không có ý kiến về nội dung cáo trạng và luận tội của VKS. Đối với phần trách nhiệm dân sự bà T thay đổi ý kiến từ việc yêu cầu bị cáo D bồi thường 80.000.000đ nay bà T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000đ đồng thời do bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ nên bà T mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát. Về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền theo yêu cầu nêu trên của họ. Tổ ra ăn năn hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với bị cáo đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với các bị hại gồm: ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị Bích L, ông Võ Hoài V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, xét việc vắng mặt các bị hại không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các bị hại nêu trên.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo xác định đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và luận tội mà Viện kiểm sát nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, do nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại từ trước, Nguyễn Thị D tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định và đang là phụ nữ có thai, đã có hành vi mạo danh nhân viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu, địa chỉ trụ sở: 13 Nguyễn Thái Học, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chuẩn bị áo đồng phục và bảng tên giả của Ngân hàng VP Bank đồng thời thu thập các thông tin về kiến thức tín dụng, tài chính ngân hàng trên mạng Internet để đưa ra các thông tin gian dối về việc mình có khả năng làm hồ sơ mở thẻ tín dụng ngân hàng cấp khoản vay tín chấp không cần thế chấp tài sản để nhờ D mở thẻ tín dụng (số tiền cụ thể bị cáo chiếm đoạt của từng bị hại là: ông Nguyễn Văn T 35.000.000đ, bà Nguyễn Thị Kim T 80.000.000đ, bà Phan Thị Bích L 15.000.000đ, bà Nguyễn Thị Hồng N 25.000.000đ, ông Võ Hoài V 25.000.000đ). Sau khi nhận được tiền, D chiếm đoạt sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân và trả nợ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều

174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; nhân thân và các tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và trật tự an toàn xã hội. Trong thời gian ngắn, bị cáo với thủ đoạn tinh vi đã lừa đảo 05 bị hại với 05 lần phạm tội liên tiếp, khi phát hiện sự việc các bị hại đã kịp thời báo cơ quan chức năng nên hành vi phạm tội của bị cáo mới được ngăn chặn. Tuy nhiên, xét thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang là phụ nữ có thai, gia đình có 02 con nhỏ, có chồng đang đi làm để duy trì cuộc sống, nên không xem xét áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 05 lần, cả 05 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, đã khắc phục, bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại Phan Thị Bích L, và đã nộp 30 triệu đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu để khắc phục hậu quả cho các bị hại khác, bị cáo phạm tội khi đang mang thai; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn do đang nuôi 03 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 12 tháng tuổi (sinh tháng 5/2024); tại tòa bị hại Nguyễn Thị Kim T xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm n, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm một phần hình phạt khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bà Phan Thị Bích L số tiền 15.000.000đ, bà Liên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; ông Võ Hoài V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền theo yêu cầu nên chấp nhận và buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền trên.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 30.000.000đ, bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành phần trách nhiệm dân sự của bản án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và án phí dân sự trên số tiền phải bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị D** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2]. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm n, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị D** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:

Bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng);

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng);

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Bồi thường cho ông Võ Hoài V số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Thị D đã nộp vào Kho bạc nhà nước theo số tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/01/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.250.000đ (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo; bị hại; NCQL&NVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.**

Phạm Thị Hiếu